

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29/8/2023

Về “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Thu

2/ Ông Trần Nhất Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: ông Bùi Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1973; địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa (Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 21/7/2023).

Bị đơn: Ông Lê Quang D - Sinh năm: 1965; địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 09/5/2023, Bản tự khai ngày 12/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Quang D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện R, tỉnh Khánh Hoà; được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01/1995 ngày 14/6/1995. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên kinh cãi nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hoà hợp nhau. Ngoài ra, ông D còn không chịu lo làm ăn, thường hay ăn nhậu về nhà gây sự, chửi mắng bà H. Bà H đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông D vẫn không chịu sửa đổi. Đã nhiều năm nay vợ chồng sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nhiều lần ông D còn nói nếu không chung sống được thì làm đơn ly hôn. Nay bà H không còn tình cảm với ông D nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông D có 03 con chung là Lê Thị Diệu U, sinh năm 1991; Lê Quang S, sinh năm 1994 và Lê Quang T, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ, chia tài sản khi ly hôn: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lê Quang D không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.*

* Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã nộp Tòa án: Đơn khởi kiện; Trích lục kết hôn; Thông báo số định danh cá nhân bà H, ông D; bản photo căn cước công dân bà H, ông D; bản sao giấy khai sinh con chung; Đơn trình bày; bản tự khai.

* Tài liệu, chứng cứ của bị đơn đã nộp Tòa án: không.

* Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Phiếu yêu cầu xác minh.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa:*

Việc thụ lý vụ án cũng như quá trình giải quyết vụ án, xét xử tại phiên tòa, Tòa án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà H được ly hôn ông D; về con chung, về tài sản chung, nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; bà H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C về quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Lê Quang D- trú tại: thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt Thông báo Thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng không trình bày ý kiến, cố tính vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Quang D tự nguyện chung sống với nhau năm 1995, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện R, tỉnh Khánh Hòa (nay là huyện C, tỉnh Khánh Hòa); được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01/1995 ngày 14/6/1995 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông D và bà H không hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên kinh cãi, ông D hay mắng chửi vợ. Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông D không trình bày ý kiến, không đến Tòa án để Tòa tiến hành hòa giải, chứng tỏ ông D không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn, bỏ mặc hôn nhân. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu ly hôn ông D là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[4] Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Quang D có 03 con chung là Lê Thị Diệu U, sinh năm 1991; Lê Quang S, sinh năm 1994 và Lê Quang T, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H .

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Quang D.

2. Về con chung:

Các con chung là Lê Thị Diệu U, sinh năm 1991; Lê Quang S, sinh năm 1994 và Lê Quang T, sinh năm 1996 đã trưởng thành, khỏe mạnh, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Vân đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009653 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hằng